



Working Paper 2024.3.1.8

- Vol. 3, No. 1

HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU GẠO CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG BỐI CẢNH THỰC THI HIỆP ĐỊNH EVFTA

Phạm Trịnh Bảo Khang¹, Vũ Thảo Vân, Hồ Cẩm Nhung

Sinh viên K61 Kinh tế đối ngoại – Viện Kinh tế và Kinh doanh quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Kiều Thị Hạnh

Sinh viên K61 Kinh doanh quốc tế – Viện Kinh tế và Kinh doanh quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Vũ Huyền Phương

Giảng viên Viện Kinh tế & Kinh doanh quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Hiệp định Thương mại tự do Liên minh Châu Âu – Việt Nam (EVFTA), có hiệu lực từ tháng 8 năm 2020, là một hiệp định toàn diện đảm bảo lợi ích cân bằng cho cả Việt Nam và Liên minh Châu Âu. Hiệp định này tạo ra lợi thế cạnh tranh cho các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực gạo, về thuế nhập khẩu so với đối thủ, đồng thời cung cấp cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị phần tại khu vực Châu Âu. Trong bài viết này, nhóm tác giả sẽ đưa ra cái nhìn tổng quan về tác động của EVFTA dựa trên việc phân tích tình hình xuất khẩu gạo sang thị trường EU trong bối cảnh thực thi EVFTA. Kết quả cho thấy EVFTA đã giảm đáng kể các rào cản thuế quan, giúp Việt Nam tăng khối lượng xuất khẩu gạo sang EU. Tuy nhiên, các rào cản phi thuế quan như tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật nghiêm ngặt vẫn còn là thách thức. Cuối cùng, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp thực tiễn nhằm đảm bảo tăng trưởng bền vững cho ngành xuất khẩu gạo Việt Nam.

Từ khóa: EVFTA, EU, Việt Nam, gạo, xuất khẩu

¹ Email: k61.2214110175@ftu.edu.vn

VIETNAM'S EXPORT OF RICE UNDER THE IMPLEMENTING OF EVFTA

Abstract

The Vietnam-European Union Free Trade Agreement (EVFTA), effective from August 2020, is a comprehensive agreement that ensures balanced benefits for both Vietnam and the European Union. This agreement creates a competitive advantage for Vietnam's export products, particularly in the rice sector, in terms of import duties compared to competitors, and provides opportunities for Vietnamese businesses to expand their market share in the European region. In this paper, the authors provide an overview of the impact of EVFTA based on the analysis of the situation of rice exports to the EU market in the context of EVFTA implementation. The results show that EVFTA has significantly reduced tariff barriers, enabling Vietnam to increase its rice export volume to the EU. However, non-tariff barriers such as stringent food safety and phytosanitary standards remain challenges. Finally, the authors propose practical solutions to ensure sustainable growth for Vietnam's rice export industry.

Keywords: EVFTA, EU, Vietnam, rice, export

1. Cơ sở lý thuyết và khái quát về Hiệp định EVFTA

1.1. Cơ sở lý thuyết

1.1.1. Hiệp định thương mại tự do

Theo Cơ sở Dữ liệu thương mại Việt Nam (VNTR), Hiệp định thương mại tự do (FTA) là một hiệp ước giữa hai hay nhiều quốc gia trong đó các quốc gia thỏa thuận về các nghĩa vụ nhất định tác động đến thương mại hàng hóa và dịch vụ cũng như các biện pháp bảo vệ nhà đầu tư, quyền sở hữu trí tuệ, và các lĩnh vực khác.

1.1.2. Hàng rào thuế quan

Theo The Economic Times: "Thuế quan là một loại thuế do chính phủ áp đặt lên hàng hóa nhập khẩu từ các quốc gia khác. Thuế quan chủ yếu được áp dụng để bảo vệ các nhà sản xuất trong nước, nhưng chính phủ cũng áp thuế quan để giảm nhập khẩu từ các quốc gia khác, qua đó thúc đẩy việc sử dụng các sản phẩm trong nước."

Theo Ủy ban Châu Âu (European Commission): "Thuế quan là một loại thuế đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc xuất khẩu giữa các quốc gia. Thuế quan là một hình thức điều tiết thương mại nước ngoài và là một chính sách đánh thuế sản phẩm nước ngoài để khuyến khích hoặc bảo vệ ngành công nghiệp trong nước."

Từ đó, nhóm tác giả rút ra định nghĩa như sau: "Hàng rào thuế quan là một hệ thống các quy định và chính sách thuế quan mà một quốc gia áp dụng để hạn chế hoặc kiểm soát lưu thông hàng hóa giữa nó và các quốc gia khác. Hàng rào thuế quan bao gồm các khoản thuế và phí liên quan đến nhập khẩu hoặc xuất khẩu hàng hóa, và thường được áp dụng để bảo vệ các lợi ích của ngành sản xuất trong nước."

1.1.3. Hàng rào phi thuế quan

Các Hiệp định của WTO không đưa ra định nghĩa về hàng rào phi thuế quan. Tuy nhiên, trong lời giải thích không chính thức của WTO thì hàng rào phi thuế quan có thể là bất cứ

biện pháp kỹ thuật, hành chính hoặc pháp lý nào có thể gây trở ngại cho hoạt động thương mại. Hiệp định chung về thương mại và thuế qua (GATT 1994) có đưa ra một số quy định mang tính nguyên tắc về hàng rào phi thuế quan. Các quy định cụ thể về việc áp dụng một số hàng rào phi thuế quan được điều chỉnh bởi các Hiệp định riêng của WTO, bao gồm Hiệp định về: Các biện pháp kiểm dịch động thực vật; Các rào cản kỹ thuật đối với hoạt động thương mại; Quy định về xuất xứ hàng hóa,...

Theo định nghĩa của Tổ chức hợp tác kinh tế và phát triển (OCED) thì: “Hàng rào phi thuế quan là những biện pháp không phải là thuế quan do các quốc gia áp dụng ở khu vực biên giới nhằm hạn chế nhập khẩu.”

Từ đó, nhóm tác giả rút ra định nghĩa như sau: “Hàng rào phi thuế quan là những rào cản không phải là thuế quan nhưng có thể ảnh hưởng đến hoạt động thương mại và đầu tư giữa các quốc gia. Những rào cản này có thể bao gồm các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, giấy phép xuất nhập khẩu, kiểm soát chất lượng hàng hóa, và các quy định về bảo vệ môi trường.”

1.1.4. Hoạt động xuất khẩu

Theo Điều 28 Luật Thương mại 2005, xuất khẩu hàng hóa là việc hàng hoá được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật.

Hoạt động xuất khẩu nhằm mục tiêu lợi nhuận, thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, ổn định và từng bước nâng cao mức sống của nhân dân.

1.2. Tổng quan về hiệp định EVFTA

1.2.1. Giới thiệu chung về hiệp định EVFTA

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) là một FTA thế hệ mới giữa Việt Nam và 27 nước thành viên của Liên minh châu Âu EU. EVFTA là một trong hai FTA có phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết cao nhất của Việt Nam từ trước tới nay.

Ngày 1/12/2015, EVFTA đã chính thức kết thúc đàm phán và đến ngày 1/2/2016 văn bản hiệp định đã được công bố. Hiệp định chính thức có hiệu lực từ ngày 1/8/2020, mở ra những cơ hội và triển vọng to lớn, đây cũng là thời điểm đặc biệt quan trọng của quan hệ đối tác hợp tác toàn diện Việt Nam-EU.

1.2.2. Nội dung chính của hiệp định EVFTA

EVFTA là một Hiệp định toàn diện, chất lượng cao, cân bằng về lợi ích cho cả Việt Nam và EU, đồng thời phù hợp với các quy định của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Hiệp định gồm 17 Chương, 2 Nghị định thư và một số biên bản ghi nhớ kèm theo với các nội dung chính là: thương mại hàng hóa (gồm các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), quy tắc xuất xứ, hải quan và thuận lợi hóa thương mại, các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS), các rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT), thương mại dịch vụ (gồm các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), đầu tư, phòng vệ thương mại, cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước, mua sắm của Chính phủ, sở hữu trí tuệ, thương mại và Phát triển bền vững, hợp tác và xây dựng năng lực, các vấn đề pháp lý - thể chế.

1.3. Các cam kết liên quan đến xuất khẩu gạo sang thị trường EU của Việt Nam

1.3.1. Các rào cản thuế quan khi xuất khẩu gạo sang EU theo hiệp định EVFTA

Theo cam kết từ EVFTA, EU áp dụng cơ chế hạn ngạch thuế quan đối với mặt hàng gạo, lượng nhập khẩu trong hạn ngạch được hưởng mức thuế suất 0%. Tổng hạn ngạch là 80.000 tấn/năm, bao gồm 30.000 tấn gạo xay xát, 20.000 tấn gạo chưa xay xát và 30.000 tấn gạo thom. EU cũng cam kết xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu đối với gạo tằm sau 5 năm, và các sản phẩm từ gạo sau 3 hoặc 5 năm. Cho đến nay, cơ bản gạo và sản phẩm từ gạo của Việt Nam đã được hưởng mức thuế suất 0% đối với lượng gạo trong hạn ngạch.

1.3.2. Các rào cản phi thuế quan khi xuất khẩu gạo sang EU theo hiệp định EVFTA

EU là một thị trường có đòi hỏi cao về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và các hàng rào kỹ thuật. Vì vậy, các chính sách quản lý nông sản của EU nghiêm ngặt, đặc biệt các rào cản kỹ thuật của EU với nông sản thực phẩm có xu hướng ngày càng khắt khe hơn...

Rào cản về quy tắc xuất xứ

Để được hưởng các ưu đãi thuế quan theo EVFTA, gạo phải có xuất xứ thuần túy. Nguyên liệu là gạo dùng trong sản xuất thực phẩm phải có xuất xứ thuần túy. Các chế phẩm từ gạo: không tái sản xuất từ các sản phẩm không xuất xứ trong cùng nhóm với sản phẩm đầu ra và tổng trọng lượng nguyên liệu gạo $\leq 20\%$ trọng lượng sản phẩm.

Rào cản về biện pháp vệ sinh dịch tễ, an toàn thực phẩm

Các yêu cầu bắt buộc về vệ sinh an toàn thực phẩm của EU rất khắt khe và không dễ đáp ứng. Để đưa được gạo Việt Nam sang EU thì sản phẩm phải đáp ứng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, dư lượng thuốc trừ sâu, phân bón,... Gạo không dùng chất tạo màu, tạo mùi, bảo quản, tẩy trắng... Ngưỡng dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong gạo là dưới 0,01mg/kg và các nhà nhập khẩu và nhà quản lý EU sẽ thường xuyên kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm...

Rào cản kỹ thuật đối với thương mại

Gạo xuất khẩu sang EU phải tuân thủ việc ghi nhãn mác theo tiêu chuẩn châu Âu. Thông tin bắt buộc về tên sản phẩm, thành phần, khối lượng ròng, ngày hết hạn, điều kiện bảo quản, xuất xứ, hướng dẫn sử dụng, đánh dấu lô và bảng tuyên bố dinh dưỡng phải được cung cấp đầy đủ trên các thực phẩm trước khi đến tay người tiêu dùng. Bao bì gạo phải phù hợp để bảo vệ sản phẩm và tuân thủ Quy định (EC) số 1935/2004 về các vật liệu và vật phẩm dự kiến tiếp xúc với thực phẩm. Ngoài ra để được hưởng mức thuế suất 0%, những lô hàng gạo thom của doanh nghiệp phải có chứng nhận đúng chủng loại được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và ghi rõ "gạo thuộc một trong những chủng loại được hưởng ưu đãi hạn ngạch thuế quan của EVFTA".

Phòng vệ thương mại

EU là một trong những thị trường có truyền thống sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại như chống bán phá giá, chống trợ cấp hay tự vệ để bảo vệ ngành sản xuất nội địa.

Sở hữu trí tuệ

Vấn đề sở hữu trí tuệ chưa được nhiều doanh nghiệp Việt Nam quan tâm đúng mức. Trong khi đó, đây là nội dung được EU đặt lên hàng đầu. Một số doanh nghiệp chỉ chú trọng tới số lượng xuất khẩu mà chưa thực sự quan tâm đến xây dựng thương hiệu.

2. Phân tích tình hình xuất khẩu gạo sang EU theo Hiệp định EVFTA

2.1. Nhu cầu về gạo tại thị trường EU

Hiện nay, liên minh Châu Âu bao gồm 27 nước thành viên với mức dân số 1 448,9 triệu người (European Commission, 2023). Vào năm 2022, chỉ số GDP của EU là 15 800 tỷ USD và trao đổi thương mại chiếm khoảng 14% thương mại hàng hóa thế giới (Eurostat, 2023).

Mặc dù không phải là cây lương thực chính tại châu Âu, song thị trường này vẫn có nhu cầu nhất định với một số sản phẩm, đặc biệt là các loại gạo dinh dưỡng, sản phẩm gạo chất lượng cao. Cây lúa được trồng ở khoảng 27 quốc gia Châu Âu với diện tích khoảng 450.000 ha đất. Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), nhu cầu gạo tại Liên minh châu Âu (EU) đang tăng đều qua các năm và tiêu thụ ở mức 3,12 triệu tấn trong niên vụ 2017/18 lên 3,45 triệu tấn trong niên vụ 2021/22, chủ yếu do sự phổ biến của thức ăn châu Á tại đây.

Sản lượng nội khối của EU ổn định ở mức 1,7-1,8 triệu tấn mỗi năm và đáp ứng khoảng 70% nhu cầu tiêu thụ trong khu vực. Trong đó khoảng 80% sản lượng gạo của EU được sản xuất tại Italia và Tây Ban Nha, 12% sản xuất tại Hy Lạp và Bồ Đào Nha, phần còn lại là ở bốn quốc gia khác là Pháp, Rumani, Bungari và Hungary.

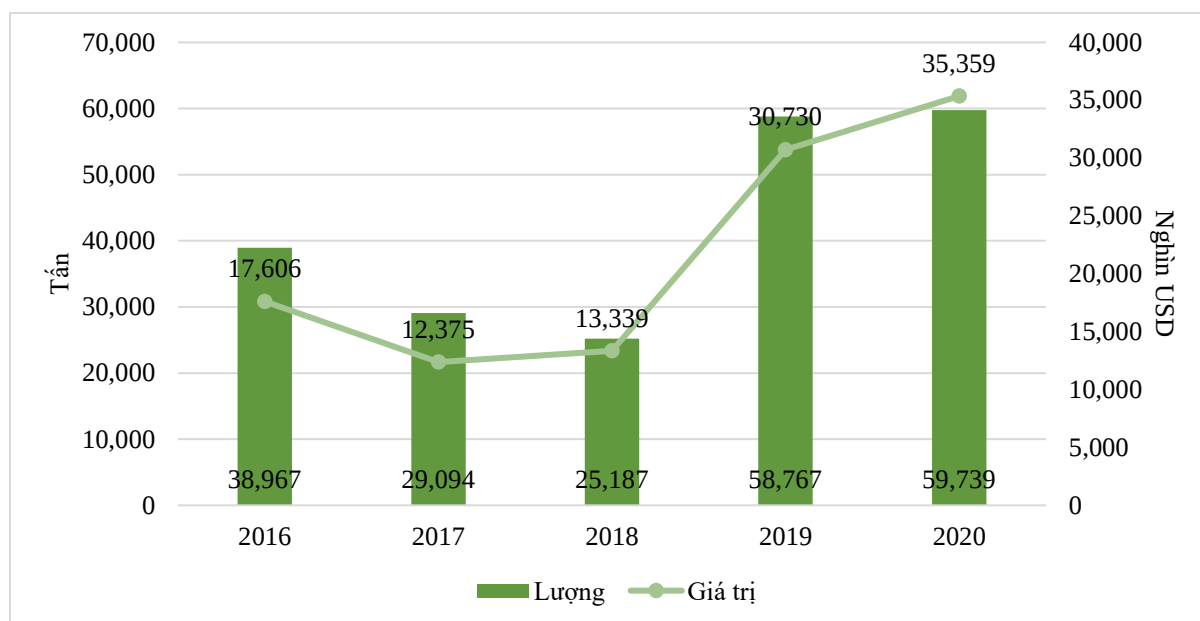
Thị trường gạo châu Âu có thể được chia thành hai loại gạo chính, gạo Japonica và gạo Indica. Gạo Japonica là loại gạo truyền thống của châu Âu, chiếm khoảng 75% sản lượng gạo của châu Âu, châu Âu tự cung tự cấp và do đó thậm chí còn là nước xuất khẩu ròng. Mặt khác, gạo Indica được biết đến là loại gạo truyền thống của châu Á, chiếm khoảng 25% sản lượng gạo của châu Âu. Gạo Basmati là loại gạo đặc sản phổ biến nhất. Loại gạo thơm hay thơm này đã được nhiều khách hàng Tây Bắc Âu ưa chuộng. Các loại gạo thơm và có màu không được trồng phổ biến ở châu Âu mà chủ yếu được nhập khẩu từ các nước châu Á. Nhập khẩu từ các nhà cung cấp ngoài châu Âu đang tăng lên do nhu cầu về các loại gạo này tăng lên.

Phần lớn nhập khẩu gạo của châu Âu chủ yếu ở Tây Âu, với Pháp và Đức là những nhà nhập khẩu lớn nhất. Các giống lúa quan trọng được châu Âu nhập khẩu là gạo Indica hạt dài và các giống thơm (basmati, jasmine,...). EU chủ yếu nhập khẩu gạo đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ (mã HS 100630) với tỷ trọng chiếm 47% trong tổng nhập khẩu; 31% gạo lứt; 18,6% tấm và 3,5% thóc. Trong giai đoạn 2015 – 2020, gạo lứt là chủng loại được tăng nhập khẩu vào EU nhiều nhất với tốc độ tăng trưởng bình quân 9,3%/năm.

2.2. Sản lượng, giá gạo Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU

Việt Nam là nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, gạo Việt Nam đã được xuất khẩu sang gần 160 quốc gia và vùng lãnh thổ, chiếm khoảng 15% thị phần gạo toàn cầu và cũng bước đầu thâm nhập được các thị trường có yêu cầu chất lượng cao như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, EU...

Xuất khẩu gạo Việt Nam sang EU có xu hướng tăng từ năm 2016 – 2020 cả về lượng và trị giá, chứng kiến tốc độ tăng trưởng bình quân 24,1%/năm về lượng và 30,4%/ năm về trị giá.

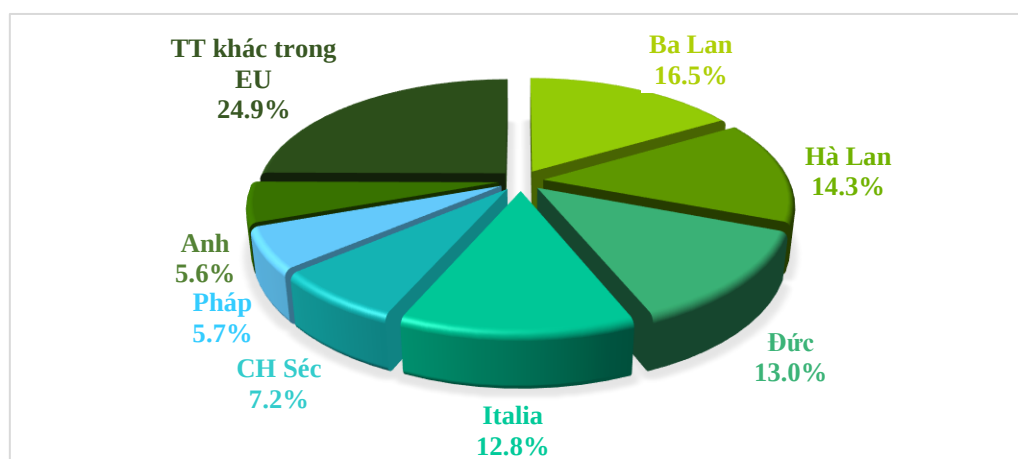


Hình 1. Sản lượng và giá trị xuất khẩu gạo của Việt Nam sang EU giai đoạn 2016 - 2020

Nguồn: Vụ thị trường Châu Âu – Châu Mỹ, Bộ Công Thương

Năm 2020 mặc dù bị tác động bởi đại dịch Covid-19, xuất khẩu gạo sang EU vẫn duy trì được mức tăng trưởng khả quan, đạt 59,7 nghìn tấn gạo, trị giá 35,35 triệu USD, tăng 1,65% về lượng và 15% về kim ngạch so với 2019, chiếm tỷ trọng 1% trong tổng xuất khẩu gạo của Việt Nam.

Xuất khẩu gạo của Việt Nam sang hầu hết các quốc gia trong liên minh Châu Âu đều ghi nhận tăng trưởng bình quân cao trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020. Các quốc gia như Ba Lan, Hà Lan, Đức, Italia là các thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam trong khối EU với tỷ trọng lần lượt là: 16,5%; 14,3%, 13% và 12,8%.

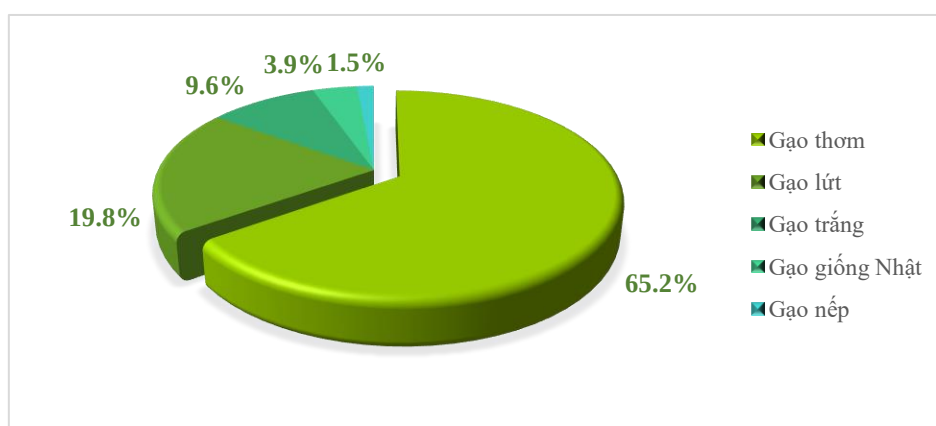


Hình 2. Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam sang EU năm 2020

Nguồn: Vụ thị trường Châu Âu – Châu Mỹ, Bộ Công Thương

Trong 8 tháng đầu năm 2020, 65% số thị trường đã tăng kim ngạch so với cùng kỳ năm trước, trong khi 35% số thị trường còn lại đã giảm. Một số thị trường có sự tăng trưởng mạnh mẽ trong xuất khẩu gạo bao gồm: Tây Ban Nha tăng 220% về lượng và 277% về kim ngạch, Pháp tăng 145.87% về lượng và 161.05% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên, không phải tất cả các thị trường đều theo xu hướng tăng trưởng. Bỉ, một nước thuộc khối EU, lại có xu hướng giảm trong việc nhập khẩu gạo từ Việt Nam, giảm 51,63% về lượng và 56,83% về kim ngạch, xuống còn 385 tấn, tương đương 0,24 triệu USD.

Trong cơ cấu xuất khẩu gạo của Việt Nam sang EU, chủng loại gạo được Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất sang các thị trường EU là gạo thơm (hơn 65%), tiếp theo đến các loại gạo đặc biệt như gạo lứt, gạo hữu cơ, gạo giống Nhật. Năm 2020, xuất khẩu gạo thơm sang EU đạt 38,98 nghìn tấn, trị giá 23,8 triệu USD, với mức tăng trưởng bình quân đạt 66,2%/năm (về lượng) và 72,8%/năm (về trị giá) giai đoạn 2016-2020.



Hình 3. Cơ cấu chủng loại gạo Việt Nam xuất khẩu sang EU năm 2020

(% tính theo lượng)

Nguồn: Vụ thị trường Châu Âu – Châu Mỹ, Bộ Công Thương

Xét về trị giá trung bình trên 1 tấn gạo, giá trị gạo Việt Nam chỉ đạt 495,5 USD/tấn, thấp hơn nhiều so với giá trị gạo của Thái Lan lần Campuchia (lần lượt đạt 653 USD/tấn và 719 USD/tấn).

Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, một năm kể từ khi EVFTA chính thức đi vào hiệu lực (từ tháng 8/2020 – tháng 7/2021), xuất khẩu hàng gạo của Việt Nam sang thị trường EU đạt 54,96 nghìn tấn, trị giá 36,37 triệu USD, giảm 6,9% về lượng nhưng tăng 12,5% về trị giá so với cùng giai đoạn trước EVFTA (từ tháng 8/2019 - tháng 7/2020). Tuy giảm về lượng nhưng trị giá xuất khẩu gạo sang EU đã tăng khá mạnh nhờ giá xuất khẩu được nâng lên; chủng loại gạo xuất khẩu sang EU cũng có sự chuyển dịch theo chiều hướng tích cực.

Trong năm đầu thực thi Hiệp định, mặt hàng gạo của Việt Nam đã được xuất khẩu tới 23/27 thị trường thuộc EU. Hầu hết các thị trường tiêu thụ gạo lớn của Việt Nam trong khối điển hình là Đức, Hà Lan, Italia, Cộng hòa Séc, Bỉ, Thụy Điển đều ghi nhận mức tăng rất mạnh cả về lượng và trị giá xuất khẩu; ở chiều ngược lại là Ba Lan và Hungary giảm. Đáng chú ý, gạo Việt Nam đã bước đầu tiếp cận thành công một số thị trường ngách như Phần Lan, Slovenia và Ai Len; dù khối lượng không quá lớn nhưng đạt mức tăng trưởng 3–4 lần so với thời điểm trước EVFTA.

Bảng 1. Xuất khẩu gạo Việt Nam sang EU sau 1 năm EVFTA có hiệu lực

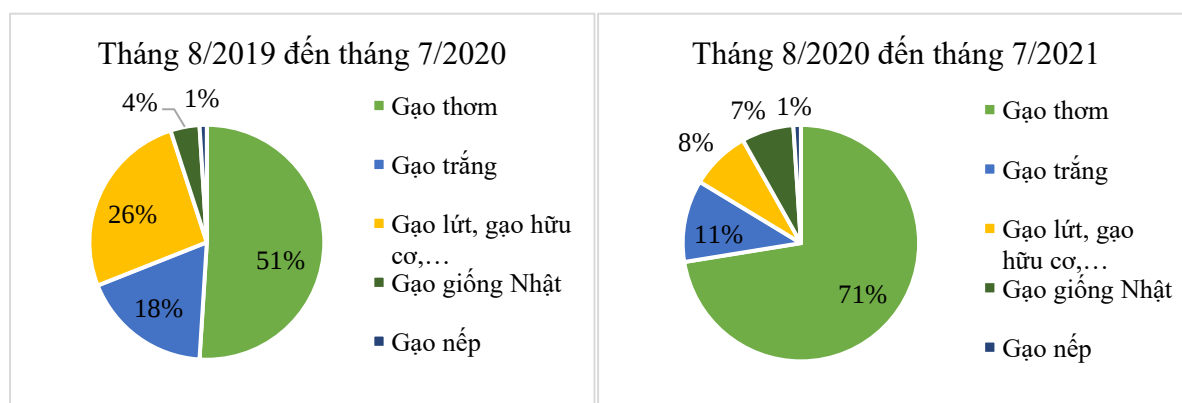
Thị trường	8/2020 – 7/2021		So với T8/2019-T7/2020 (%)		7 tháng đầu năm 2021		So với 7 tháng năm 2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
EU	54,958	36,369	-6,9	12,5	31,316	21,604	-4,4	16,7
Đức	11,520	8,544	72,0	109,0	7,416	5,601	101,5	141,3
Hà Lan	9,632	6,014	33,2	61,4	5,877	3,936	22,9	64,4
Italia	8,279	5,746	8,6	7,4	4,443	3,072	16,2	4,7
Ba Lan	7,788	4,637	-24,3	-12,4	3,779	2,394	-35,4	-19,3
CH Séc	3,345	1,970	2,7	15,9	1,475	934	-38,9	-26,3
Thụy Điển	2,984	1,971	29,5	44,7	1,563	1,027	47,9	55,6
Pháp	2,958	2,052	-10,8	3,8	1,894	1,338	-20,0	-4,4
Bỉ	1,804	1,315	38,0	67,8	1,736	1,272	375,6	465,0

Nguồn: Vụ thị trường Châu Âu – Châu Mỹ, Bộ Công Thương

Đơn vị: Lượng: Tấn;

Trị giá: nghìn USD

Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang EU sau 1 năm EVFTA có hiệu lực cũng có sự thay đổi rõ rệt theo hướng tích cực với việc gia tăng gạo thơm và giảm với loại gạo trắng thường. Cụ thể, gạo thơm xuất khẩu sang EU có kết quả tăng trưởng cao đạt 38,8 nghìn tấn, trị giá 25,8 triệu USD, tăng 27,8% về lượng và 44,5% về trị giá so với cùng giai đoạn trước EVFTA, chiếm tỷ trọng 71%, cao hơn mức 51% của cùng giai đoạn trước. Tương tự, lượng gạo giống Nhật và gạo nếp cũng tăng mạnh lần lượt là 59,1% và 356,9%; tỷ trọng cũng tăng lên mức 3% và 7% từ mức 1% và 4% giai đoạn trước đó. Trong khi đó, tỷ trọng gạo trắng đã giảm từ 18% xuống còn 11%.



Hình 4. Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường EU trước và sau khi EVFTA có hiệu lực 1 năm

Nguồn: Vụ thị trường Châu Âu – Châu Mỹ, Bộ Công Thương

Bên cạnh việc dịch chuyển cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường EU, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này cũng tăng cao so với thời điểm trước EVFTA. Giá gạo thơm xuất khẩu sang EU tăng 13,1%, đạt bình quân 665 USD/ tấn từ tháng 8/2020 đến tháng 7/2021; gạo trắng tăng tới 58,6%, gạo Nhật tăng 15,5%, gạo thơm tăng 13,1% và các loại gạo khác (gạo lứt, gạo hữu cơ, gạo huyết rồng...) tăng 11,8%. Ở chiều ngược lại, gạo nếp giảm 5,9%. Tuy nhiên, xét trên bình diện chung mặt hàng gạo của Việt Nam tăng 20,8% về giá trị.

Trong hai năm kể từ khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực (8/2021-7/2022), giá trị xuất khẩu gạo của Việt Nam sang EU đã tiếp tục tăng mạnh, ước tính đạt hơn 53 triệu USD. Chỉ trong sáu tháng đầu năm 2022, Việt Nam đã xuất khẩu hơn 50.000 tấn gạo sang EU, thu về gần 37 triệu USD, tăng 84% về lượng và 96% so với cùng kỳ năm trước.

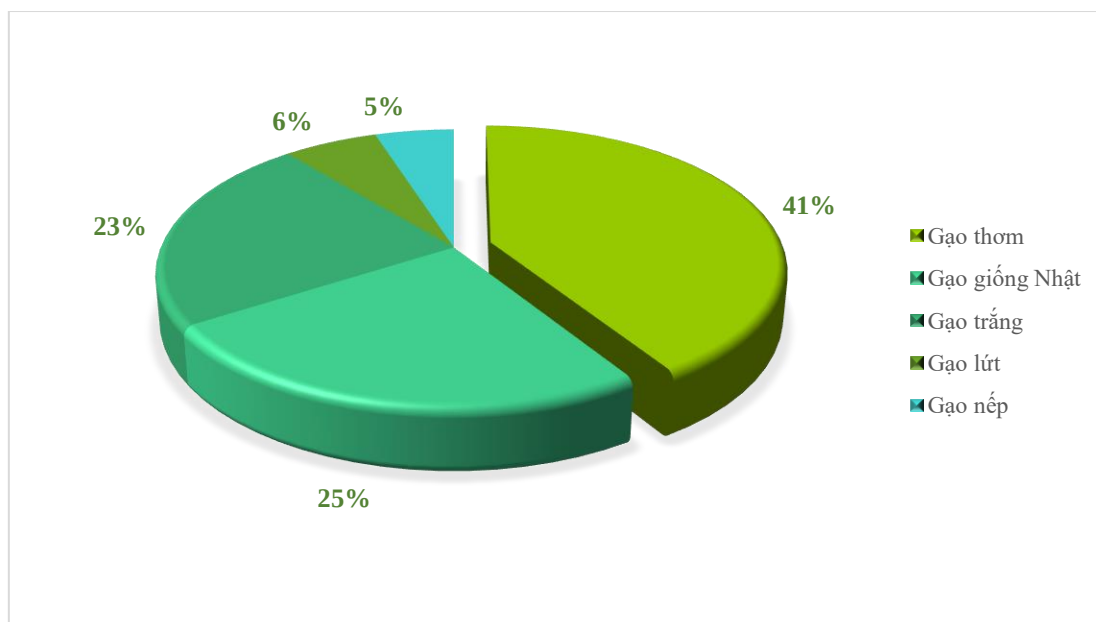
Bảng 2. Kim ngạch gạo xuất khẩu của Việt Nam vào EU-27 trong hai năm sau khi EVFTA có hiệu lực phân theo thị trường

Thị trường	T8/2020 - T7/2021	Cơ cấu (%)	T8/2021 - T7/2022	Cơ cấu (%)
Tổng	36,369,000		53,010,458	
Bỉ	1,2727,329	3.50	1,312,239	2.48
Pháp	2,051,847	5.64	2,994,620	5.65
Hà Lan	6,014,444	16.54	8,046,409	15.18
Ba Lan	4,637,190	12.75	7,489,927	14.13
Tây Ban Nha	372,973	1.03	1,071,198	2.02
Các thị trường còn lại	22,020,217	60.55	32,096,065	60.55

Đơn vị: USD

Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Sự tăng trưởng này một phần do chất lượng gạo của Việt Nam được nâng cao, đặc biệt là các loại gạo thơm, phù hợp với sở thích của người tiêu dùng châu Âu. Về chủng loại, gần một nửa lượng gạo Việt Nam xuất khẩu sang EU là các loại gạo thơm (ST25, ST24, ST20, Đài Thơm 8, Jasmine...), phần còn lại bao gồm gạo trắng, gạo giống Nhật, gạo lứt, gạo hữu cơ.... Trong năm 2022, gạo thơm tiếp tục là chủng loại được xuất khẩu nhiều nhất của Việt Nam vào thị trường EU năm 2022 với khối lượng lên đến 38.818 tấn, chiếm hơn 41% tỷ trọng. Đứng thứ hai là gạo Nhật đạt 24.140 tấn, chiếm 25,5%; tiếp đến là gạo trắng 21.358 tấn, chiếm 22,6%; còn lại là gạo nếp và nhóm gạo dinh dưỡng, tốt cho sức khỏe như gạo lứt, gạo hữu cơ, gạo huyết rồng...



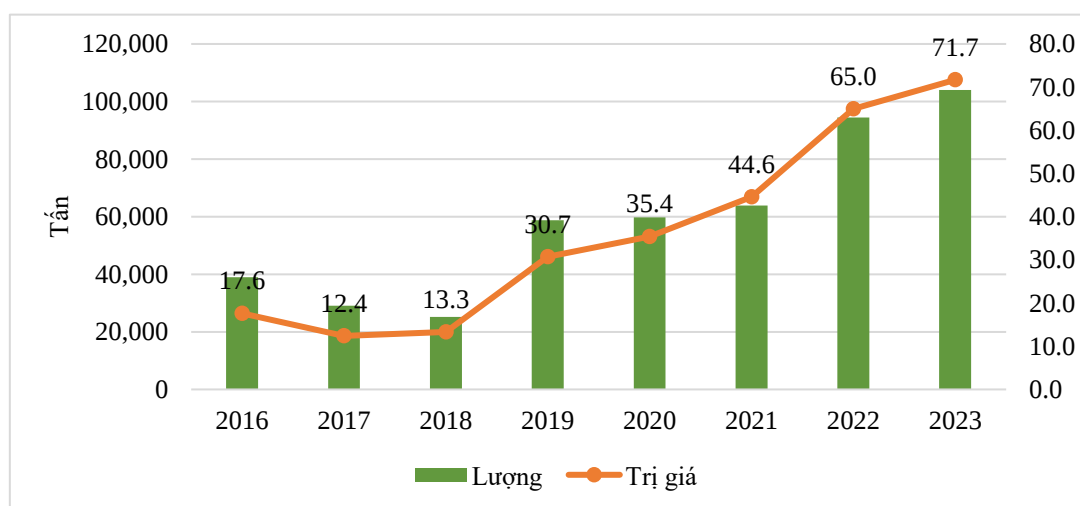
Hình 5. Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam sang EU năm 2022

(% tính theo lượng)

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Mặc dù giá xuất khẩu gạo bình quân của cả nước đã giảm, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong năm 2022 vẫn tăng lên tới 688 USD/tấn, cao hơn mức trung bình 489 USD/tấn của cả nước, do chủng loại gạo xuất khẩu vào thị trường này chủ yếu là gạo thơm có giá trị cao. Tuy nhiên, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam vào EU vẫn khá cạnh tranh so với các đối thủ cạnh tranh khác như Campuchia, Thái Lan và Ấn Độ. Như vậy, mặt hàng gạo đang tận dụng được tốt các ưu đãi mà EVFTA mang lại.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, Việt Nam đã xuất khẩu kỷ lục gần 104.000 tấn gạo sang thị trường EU trong năm 2023 với giá trị thu về 71,7 triệu USD, tăng 10% cả về lượng và kim ngạch so với năm 2022.

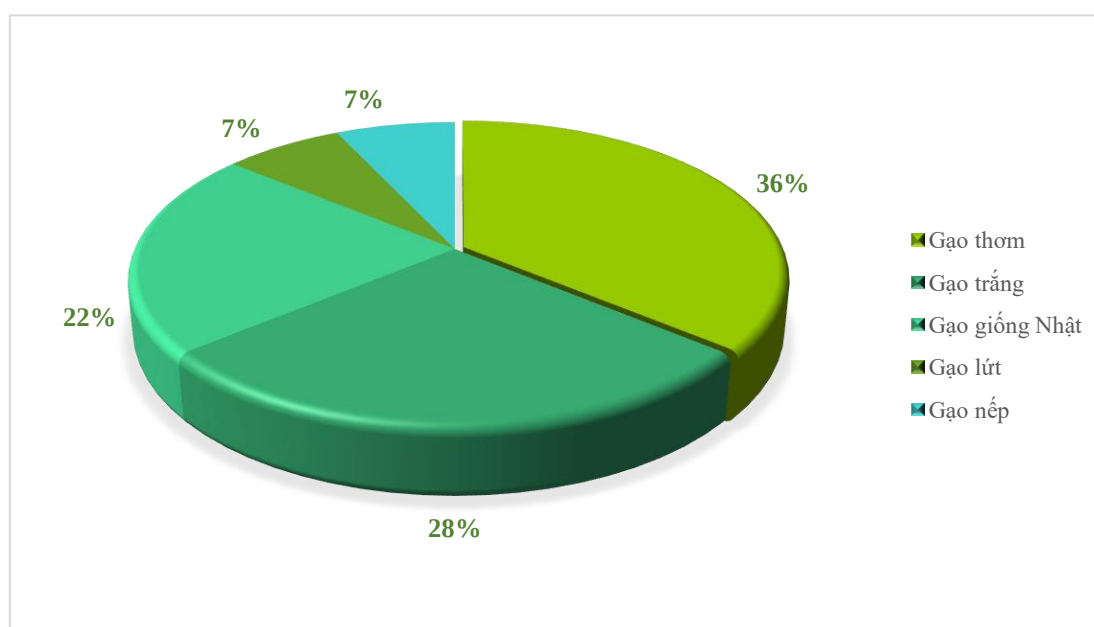


Hình 6. Sản lượng và giá trị xuất khẩu gạo của Việt Nam sang EU giai đoạn 2016 - 2023

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong năm 2023, gạo Việt Nam đã được xuất khẩu tới 26/27 quốc gia thành viên trong khối Liên minh châu Âu. Chiếm tỷ trọng cao nhất là Đức với khối lượng đạt 23,3 nghìn tấn, tăng 49,3% so với năm trước và chiếm 22,4% thị phần; tiếp theo là Ba Lan với 14,7 nghìn tấn, tăng tới 92% và chiếm 14,2% thị phần. Đặc biệt, lượng gạo xuất khẩu sang nhiều thị trường tăng từ 3 - 4 con số như: Hungary tăng 12 lần, Bulgaria tăng 730%, Hy Lạp tăng 483,3%, Bồ Đào Nha tăng 425%.

Dựa trên số liệu, trong năm 2023, hơn 70% gạo Việt Nam xuất khẩu sang EU là các loại gạo chất lượng cao như gạo thơm, gạo Nhật, gạo lứt, gạo vi chất, trong khi chỉ có 28% là gạo trắng. Điều này đã đưa giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam sang thị trường này lên mức 689 USD/tấn, cao hơn mức trung bình 575 USD/tấn của cả nước.



Hình 7. Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam sang EU năm 2023

(% tính theo lượng)

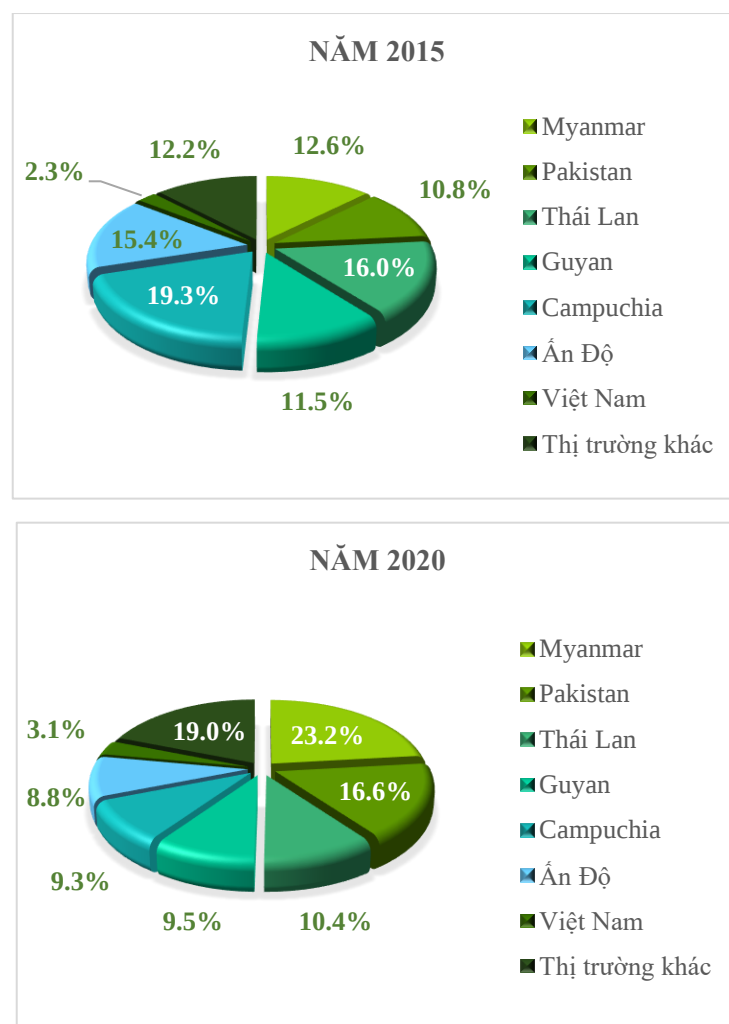
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Gần đây, gạo ST24 và ST25 - hai giống gạo đã hai lần giành được danh hiệu gạo ngon nhất thế giới, đã chính thức được hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu vào Liên minh châu Âu. Đây được coi là cơ hội để tăng kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam vào thị trường Châu Âu.

2.3. Thị phần xuất khẩu gạo Việt Nam sang EU

Theo Eurostat, thị phần gạo của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU từ thị trường ngoại khối đã cải thiện đáng kể từ mức 2,3% năm 2015 lên 3,1% năm 2020.

Việt Nam hiện đứng vị trí thứ 7 trong số các nhà cung ứng gạo ngoại khối lớn nhất cho thị trường EU. Năm 2020 chứng kiến lượng nhập khẩu gạo của EU từ Việt Nam cao nhất trong nhiều năm qua, đạt 66,26 nghìn tấn, trị giá 42,8 triệu USD. Mặc dù trị giá nhập khẩu nhỏ nhưng tốc độ nhập khẩu từ EU ghi nhận mức tăng trưởng mạnh cho thấy gạo Việt Nam đang dần tiếp cận và thâm nhập được thị trường EU, đáp ứng điều kiện và thị hiếu tiêu dùng tại đây.

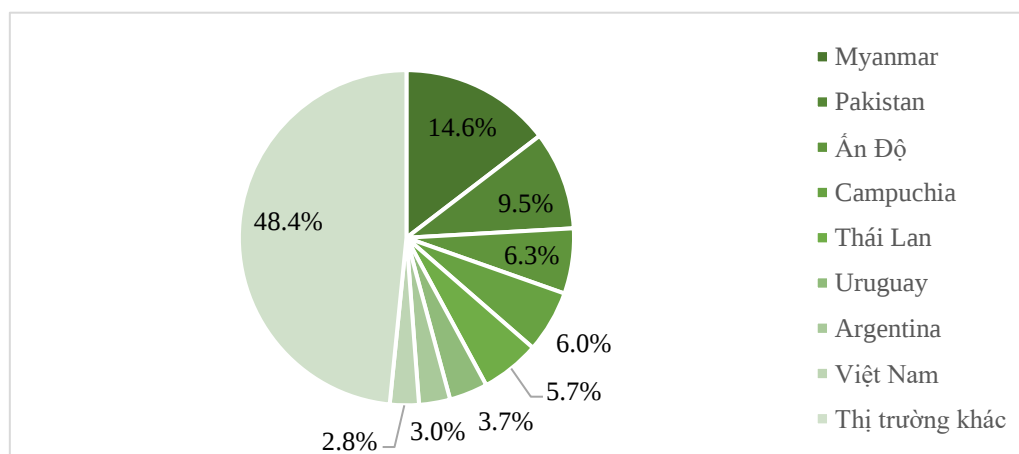


Hình 8. Thị phần gạo của Việt Nam tại EU (% tính theo khối lượng)

Nguồn: Vụ thị trường Châu Âu – Châu Mỹ, Bộ Công Thương

Đáng chú ý, trong bối cảnh chung khi kinh tế EU bị tác động nghiêm trọng bởi đại dịch khiến sức tiêu thụ và nhập khẩu hàng hóa tại thị trường suy giảm, nhập khẩu gạo của EU từ Việt Nam vẫn chứng kiến sự tăng trưởng tích cực; thị phần cạnh tranh của gạo Việt Nam đang được cải thiện tốt tại thị trường EU. Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), 7 tháng năm 2021, cũng là thời điểm tròn một năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực, trong khi EU giảm nhập khẩu gạo từ các thị trường ngoại khối thì nhập khẩu mặt hàng này của EU từ Việt Nam lại ghi nhận mức tăng 4,48% so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm thị phần 3%, cao hơn mức 2,42% trong 7 tháng năm 2020. Trong 10 tháng năm 2022, EU đã nhập khẩu 2,3 triệu tấn gạo từ thị trường ngoại khối với mức tăng trưởng 47,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Việt Nam đứng thứ 9 về xuất khẩu gạo vào EU, tăng 1 bậc so với năm 2021. Lượng gạo Việt Nam chiếm 4,1% thị phần nhập khẩu của khu vực, tăng so với mức 3% của cùng kỳ năm 2021. Trong 10 tháng đầu năm tiếp theo, nhập khẩu gạo của EU đã giảm 12% so với cùng kỳ năm 2022, xuống còn 3,4 triệu tấn. Trong đó, gần 2 triệu tấn được nhập khẩu từ thị trường ngoại khối và 1,4 triệu tấn giao dịch nội khối. Mặc dù sức mua của EU có xu hướng giảm, nhập khẩu gạo từ Việt Nam vẫn tăng nhẹ 0,1%. Nhờ kết quả này, Việt Nam đã vươn lên vị trí thứ 8 trong số các thị trường

ngoại khối cung cấp gạo cho EU với thị phần chiếm 2,8% tổng nhập khẩu mặt hàng này của khu vực, tăng so với mức 2,4% của cùng kỳ năm 2022.



Hình 9. Các thị trường cung cấp gạo hàng đầu cho EU trong 10 tháng năm 2023

(% tính theo khối lượng)

2.4. Đánh giá thực trạng xuất khẩu gạo của Việt Nam sang EU

Có thể thấy, EVFTA trên thực tế đã có những tác động tích cực đến xuất khẩu gạo của Việt Nam. Sau một năm thực thi Hiệp định, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang EU đã chứng kiến kết quả tăng trưởng khả quan bất chấp những khó khăn, phức tạp do đại dịch Covid-19, cũng như chi phí logistics bị đẩy tăng cao kỷ lục. Mặc dù giá trị kim ngạch chưa cao, nhưng mức tăng trưởng và tốc độ cải thiện thị phần là tín hiệu khả quan cho thấy mặt hàng gạo của Việt Nam đang dần tạo được chỗ đứng tại thị trường EU. Doanh nghiệp Việt Nam cũng ngày càng có nghiệm trong đáp ứng các yêu cầu, thủ tục của thị trường, cũng như tiếp cận hệ thống phân phối tại các nước nhập khẩu.

Thực tế cho thấy EVFTA đã tạo ra lợi thế cạnh tranh rất lớn cho gạo Việt Nam với việc dành cho Việt Nam hạn ngạch 80.000 tấn gạo/năm; đồng thời tự do hóa hoàn toàn đối với gạo tằm. Cam kết này giúp Việt Nam có thể xuất khẩu ước khoảng 100 nghìn tấn vào EU hàng năm. Đối với sản phẩm từ gạo, thuế suất sẽ được đưa về 0% sau 3-5 năm. Trong khi đó, hai nguồn cung ứng gạo lớn vào EU là Campuchia và Myanmar đang chịu thuế tuyệt đối với mặt hàng này cho đến hết năm 2021, cụ thể 175 Euro/tấn (2019); 150 Euro/tấn (2020) và 125 Euro/tấn (2021).

So với thời điểm trước khi EVFTA có hiệu lực, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU tăng từ 80 đến 200 USD/tấn, tùy loại. Mức giá cao hơn rất nhiều so với các thị trường truyền thống khác. Giá trị thực nhận được khi xuất khẩu mà đặc biệt khi EVFTA có hiệu lực chính là ở việc giá bán ở mức cao và kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh chứ không phải phụ thuộc hoàn toàn vào sản lượng như việc xuất khẩu sang các thị trường truyền thống hiện nay

Một số công ty đã xuất khẩu hàng hóa sang các nước trong thị trường các nước thuộc EU ngay sau Hiệp định có hiệu lực. Ví dụ, Công ty CP Nông nghiệp công nghệ cao Trung An đã xuất khẩu lô hàng 3000 tấn đầu tiên sang đối tác nhập khẩu Đức. Nhờ xuất khẩu tích cực, các doanh nghiệp thu mua lúa nội địa cho nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long thời gian qua luôn giữ ở mức giá cao. Ví dụ: lúa tươi Jasmine đang được thu mua ở mức 6.300 đồng/kg; giá

lúa IR 504 ở mức 6.000 đồng/kg; dài thơm 8 có giá 6.300 đồng/kg... Trong khi thời điểm giữa tháng 7/2020 giá lúa Jasmine là 6.000 đồng/kg; IR 504 là 5.200 đồng/kg; lúa dài thơm 8 có giá 5.900 đồng/kg...

3. Cơ hội và thách thức của hoạt động xuất khẩu gạo sang thị trường EU của Việt Nam

3.1. Cơ hội cho hoạt động xuất khẩu gạo sang thị trường EU của Việt Nam

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đã mở ra cơ hội lớn chưa từng có cho hạt gạo Việt, giúp các nhà xuất khẩu gạo cũng như chính phủ Việt Nam tiếp cận với nhiều tiềm năng mới. Chính nhờ EVFTA mà tình hình xuất khẩu gạo Việt Nam sang thị trường châu Âu đã đạt được nhiều khởi sắc. Đặc biệt, trong năm 2023, kim ngạch xuất khẩu gạo sang một số thị trường trong khu vực này đã tăng trưởng lên đến 3 con số. Từ những kết quả đáng mừng đó, nhóm nghiên cứu đã rút ra những cơ hội lớn cho hoạt động xuất khẩu gạo sang thị trường EU của Việt Nam, bao gồm:

Đầu tiên, việc thị trường EU ngày càng chào đón các sản phẩm gạo Việt sẽ giúp các doanh nghiệp xuất khẩu gạo đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, từ đó mà giảm phụ thuộc vào những thị trường xuất khẩu truyền thống như Philippines, Indonesia, Trung Quốc, ... Xa hơn nữa, khi thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam ngày càng đa dạng, các doanh nghiệp sẽ giảm sự phụ thuộc vào một số thị trường nhất định, giúp giảm sức ép về hạn ngạch xuất khẩu cho phép của một số thị trường và tình trạng bị ép giá. Đặc biệt, những bài học từ đại dịch Covid-19 đã khiến các nhà xuất khẩu không thể không tìm nhiều lối đi mới cho mình nếu không muốn phải chịu tổn thất nghiêm trọng khi chính phủ các nước đột ngột thay đổi chính sách nhập khẩu của họ.

Thứ hai, gạo Việt đang và sẽ được nâng tầm về chất lượng, quy trình canh tác, đóng gói,... Thị trường EU từ lâu đã nổi tiếng là có nhiều yêu cầu nghiêm ngặt về nguồn gốc, quy trình canh tác, quy trình bảo quản,... Vì vậy, để xuất khẩu vào thị trường khó tính này cũng như tận dụng được ưu đãi của EVFTA, cả nông dân và doanh nghiệp Việt Nam đã và sẽ tiếp tục tuân thủ các quy trình nghiêm ngặt trong chuỗi sản xuất lúa gạo. Chính sức ép về quản lý quy trình canh tác và chất lượng đầu ra đã giúp gạo Việt càng ngày càng được nâng cao về chất lượng, tối ưu về quy trình sản xuất và rõ ràng về nguồn gốc. Minh chứng rõ ràng cho sự cải thiện về chất này chính là việc các doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang EU đều là những doanh nghiệp lớn, có chiến lược phát triển gạo bài bản theo hướng nâng cao chất lượng như Tập đoàn Lộc Trời, Công ty CP Nông nghiệp công nghệ cao Trung An,...

Thứ ba, sự ưa chuộng ngày càng lớn của thị trường EU sẽ giúp các doanh nghiệp gạo Việt Nam hợp tác toàn diện và mạnh mẽ hơn, từ đó tạo ra một liên minh các doanh nghiệp lúa gạo có khả năng điều tiết và chi phối nguồn cung. Nhu cầu của thị trường EU đối với gạo Việt đang ngày càng tăng khi tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này liên tục tăng trưởng kể từ năm 2021 (moit.gov.vn). Vì vậy, để đảm bảo nguồn cung cho thị trường này, các doanh nghiệp như Tập đoàn Lộc Trời, Tân Long, Trung An đã hợp tác cùng đặt hàng, bao tiêu đầu ra từ các vùng trồng lúa gạo lớn. Trong tương lai, khi nhu cầu từ thị trường này còn tăng trưởng, các doanh nghiệp và các hợp tác xã sản xuất và xuất khẩu gạo sẽ còn hợp tác sâu rộng hơn nữa để đáp ứng nhu cầu thị trường.

Thứ tư, hiệp định EVFTA đã giúp hạt gạo Việt được hưởng những ưu đãi to lớn về thuế quan và phi thuế quan như: có 9 loại gạo thơm Việt Nam được hưởng hạn ngạch về thuế quan gồm: Jasmine 85, ST5, ST20, Nàng Hoa 9, VD 20, RVT, OM 4900, OM 5451, Tài nguyên Chợ Đào; tự do hóa hoàn toàn đối với gạo tẻ; các sản phẩm từ gạo sẽ được EU đưa thuế suất về 0% sau 3 - 5 năm. Nhờ các ưu đãi này, những nhà xuất khẩu gạo Việt có thể đưa ra mức giá thấp hơn cho thị trường EU so với các nước xuất khẩu không có các ưu đãi như trên, giúp gạo Việt chiếm lĩnh thị trường từ lợi thế giá cả.

3.2. Thách thức đối với hoạt động xuất khẩu gạo sang thị trường EU của Việt Nam

Đi kèm với những cơ hội mà hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) mang lại cho hoạt động xuất khẩu gạo sang thị trường EU của Việt Nam, các cơ quan chính phủ cũng như cộng đồng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này cũng đang đối mặt với nhiều thách thức không nhỏ để giữ vững vị thế hiện có của gạo Việt ở trời Âu và đồng thời tìm cách phát triển thị phần và danh tiếng gạo Việt. Từ những phân tích và suy xét từ nhiều nguồn dữ liệu, nhóm nghiên cứu đã rút ra những thách thức lớn dưới đây cho các cơ quan chính phủ và các doanh nghiệp xuất khẩu gạo.

3.2.1. Đối với các cơ quan chính phủ

Thứ nhất, dù Việt Nam đã có 9 loại gạo thơm được hưởng ưu đãi về hạn ngạch, tuy nhiên, 2 loại gạo thơm chủ lực và có rất nhiều tiềm năng về thị trường của Việt Nam là ST24 và ST25 vẫn chưa nằm trong danh sách này. Một phần nguyên nhân có thể do danh mục này được xây dựng từ trước 2015 (khi kết thúc đàm phán Hiệp định EVFTA). Vì vậy, để ST24 và ST25 cũng như các loại gạo Việt ngon nhất có thể tiếp cận thị trường EU, Vụ Hợp tác quốc tế và Cục Trồng trọt cần đẩy nhanh quá trình đàm phán điều chỉnh bổ sung danh mục gạo thơm với phía EU.

Thứ hai, các quy định và thủ tục xuất khẩu tại Việt Nam nhìn chung còn rườm rà, chưa được số hóa mạnh mẽ gây mất thời gian và tiền bạc của nhiều doanh nghiệp. Hệ thống cơ sở hạ tầng dành cho việc xuất khẩu đường biển (vốn là cung đường vận chuyển chủ yếu hàng hóa Việt Nam qua châu Âu) còn nhiều hạn chế. Đơn cử như việc dù có 45 cảng biển trên cả nước nhưng chỉ có 2 cảng quốc tế và các cảng này cũng đã đạt đến công suất tối đa. Ngoài ra, đội tàu của Việt Nam chủ yếu là các tàu cũ, việc sử dụng các tàu này đang ảnh hưởng lớn đến năng suất vận chuyển và năng lực trọng tải, chưa kể đến các nguy hiểm tiềm tàng khi hệ thống máy móc của những con tàu này đã xuống cấp. Vì vậy, trong tương lai, chính phủ Việt Nam và các cơ quan chính phủ phụ trách hoạt động vận tải và xuất nhập khẩu cần nhanh chóng thay đổi cách thức quản lý và đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống cơ sở hạ tầng vận tải đường biển để tạo thuận lợi hơn nữa cho các doanh nghiệp xuất khẩu gạo.

3.2.2. Đối với doanh nghiệp xuất khẩu gạo

Thứ nhất, dù Việt Nam là một trong những nguồn cung gạo lớn cho thị trường EU, hầu hết gạo Việt được xuất sang thị trường này còn chưa có thương hiệu, hay nói đúng hơn là chưa được xuất dưới dạng sản phẩm của 1 doanh nghiệp Việt Nam. Mặc dù gạo Việt trong những năm gần đây đã xuất hiện một số thương hiệu tại thị trường châu Âu, đơn cử như gạo Lộc Trời, chủ yếu các doanh nghiệp có thể tạo thương hiệu đều là những doanh nghiệp lớn, có đầy đủ tiềm lực về người và của. Thực trạng chung hiện nay là hầu hết doanh nghiệp Việt Nam chấp nhận làm gia công để nhàn hơn, tránh phải chịu sự kiểm tra khắt khe của EU về nguồn gốc xuất xứ, quy cách

đóng gói, tiêu chuẩn chất lượng, ... Điều này đặt ra yêu cầu rất lớn cho các nhà xuất khẩu gạo Việt nếu muốn tận dụng triệt để những lợi ích và EVFTA mang lại, đồng thời đảm bảo sự bền vững của hoạt động xuất khẩu gạo sang EU. Bởi, nếu chỉ cạnh tranh về giá mà không có thương hiệu riêng để thu hút khách hàng thì rất khó đi đường dài được khi chỉ cần giá mà chúng ta đưa ra không đủ hấp dẫn, lập tức chúng ta sẽ mất thị phần vào tay các đối thủ tiềm năng như Thái Lan, Ấn Độ, Campuchia, ...

Thứ hai, các khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay đang làm lùi bước nhiều doanh nghiệp xuất khẩu gạo, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Theo bà Bùi Thị Thanh Tâm, Phó Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam, khó khăn nhất đối với các doanh nghiệp xuất khẩu gạo là vấn đề vốn, tín dụng. Thực tế là, từ năm 2012, dù lĩnh vực xuất khẩu thuộc nhóm được vay ngắn hạn bằng VND với lãi suất thấp chỉ 4,5% và các doanh nghiệp xuất khẩu cũng thuộc nhóm được hưởng gói hỗ trợ 2% lãi suất của Chính phủ nhưng việc giải ngân các khoản vay này còn chậm do đây là chính sách hỗ trợ sử dụng nguồn ngân sách của Chính phủ và thực hiện thông qua ngân hàng thương mại. Vì vậy, cần có nhiều hành động quyết liệt và kịp thời hơn từ chính phủ để nguồn vốn không trở thành rào cản gia nhập thị trường EU của hạt gạo Việt.

Thứ ba, EVFTA có rất nhiều quy định nghiêm ngặt về quy trình đầu tư, xúc tiến thương mại, tiêu chuẩn kỹ thuật, biện pháp cách ly và phòng ngừa dịch bệnh cho thực vật, sở hữu trí tuệ, ... Vì vậy, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đang có hiểu biết hạn chế về những quy định này cũng như cảm thấy khó khăn khi phải tuân thủ chúng. Ngoài ra, không phải doanh nghiệp nào cũng đủ tầm và lực để thích ứng với EVFTA. Cụ thể, 40% các doanh nghiệp cảm thấy khó khăn để thay đổi điều kiện làm việc, 55% gặp khó khăn khi đầu tư vào các công nghệ mới, ... Tất cả những rào cản này đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng cạnh tranh của hạt gạo Việt ở thị trường EU.

4. Đề xuất giải pháp đẩy mạnh cơ hội và khắc phục thách thức trong xuất khẩu gạo sang thị trường EU của Việt Nam

Từ những phân tích về cơ hội và thách thức của hoạt động xuất khẩu gạo Việt Nam sang thị trường EU trong bối cảnh thực thi hiệp định EVFTA, có thể thấy rõ tiềm năng to lớn mà Hiệp định này mang lại. Tuy nhiên, để khai thác triệt để các cơ hội và vượt qua những khó khăn, thách thức, các cơ quan chính phủ và các doanh nghiệp xuất khẩu gạo cần có sự phối hợp chặt chẽ và triển khai các giải pháp đồng bộ. Nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp sau đây giúp đẩy mạnh cơ hội và khắc phục những thách thức cho hoạt động xuất khẩu gạo Việt sang thị trường EU.

4.1. Đối với các cơ quan chính phủ

Thứ nhất, đối với các thách thức liên quan đến danh mục gạo được hưởng ưu đãi thuế quan: Để đẩy nhanh quá trình đàm phán bổ sung ST24 và ST25 vào danh mục gạo được hưởng ưu đãi thuế quan, Chính phủ cần chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, dữ liệu chứng minh tiềm năng và chất lượng xuất sắc của hai loại gạo này. Đồng thời, cần tăng cường hợp tác với các hiệp hội ngành lúa gạo, các doanh nghiệp xuất khẩu gạo lớn để có tiếng nói chung, thuyết phục trong đàm phán. Ngoài ra, việc tận dụng các kênh ngoại giao sẽ góp phần thúc đẩy quá trình đàm phán diễn ra thuận lợi hơn.

Song song với đàm phán bổ sung danh mục, Chính phủ cần có giải pháp dài hạn bằng việc nghiên cứu và phát triển các giống lúa mới có tiềm năng xuất khẩu cao. Trước hết, cần hỗ trợ các viện nghiên cứu lúa gạo trong việc nghiên cứu, chọn tạo các giống lúa mới có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường EU. Tiếp đó, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao công nghệ, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất lúa gạo. Cuối cùng, cần có các biện pháp hỗ trợ nông dân trong việc tiếp cận và áp dụng các giống lúa mới chất lượng cao vào sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng và đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

Thứ hai, đối với các thách thức liên quan đến thủ tục và cơ sở hạ tầng xuất khẩu: Để tháo gỡ những khó khăn về thủ tục hành chính xuất khẩu gạo, Chính phủ cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng các giải pháp số hóa để đơn giản hóa quy trình, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện thủ tục trực tuyến. Đồng thời, cần rà soát, cắt giảm các thủ tục rườm rà, không cần thiết nhằm giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan chức năng liên quan đến xuất khẩu gạo cũng là một giải pháp quan trọng để tạo thuận lợi cho hoạt động này.

Hệ thống cơ sở hạ tầng xuất khẩu, đặc biệt là cảng biển và logistics, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động xuất khẩu gạo. Do đó, Chính phủ cần đầu tư nâng cấp, mở rộng các cảng biển quốc tế để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu hàng hóa ngày càng tăng. Đồng thời, đầu tư vào hệ thống logistics, kho bãi, vận tải nhằm giảm chi phí và nâng cao hiệu quả xuất khẩu. Ngoài ra, cần có các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tiếp cận các nguồn vốn để đầu tư vào cơ sở hạ tầng xuất khẩu.

Bên cạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, việc đổi mới đội tàu vận tải cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực xuất khẩu của Việt Nam. Để thực hiện điều này, Chính phủ cần có các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đóng tàu mới, hiện đại để nâng cao năng suất vận chuyển và giảm thiểu rủi ro. Đồng thời, áp dụng các chính sách ưu đãi về thuế, phí để khuyến khích doanh nghiệp đổi mới đội tàu vận tải. Cuối cùng, cần nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ thuyền viên để đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

Ngoài ra, để tận dụng và đẩy mạnh các cơ hội trong bối cảnh thực thi Hiệp định EVFTA cho xuất khẩu gạo Việt Nam sang thị trường EU, nhóm nghiên cứu kiến nghị một số giải pháp như sau.

Thứ nhất, tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá gạo Việt Nam tại thị trường EU. Để đẩy mạnh cơ hội xuất khẩu gạo sang thị trường EU, các cơ quan chính phủ cần tích cực tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá hình ảnh và sản phẩm gạo Việt Nam tại thị trường này. Cụ thể, cần tham gia các hội chợ, triển lãm quốc tế về nông nghiệp, thực phẩm tại EU để giới thiệu, quảng bá sản phẩm đến người tiêu dùng và nhà nhập khẩu. Bên cạnh đó, tổ chức các hội thảo, chương trình giới thiệu gạo Việt Nam với mục đích cung cấp thông tin và thu hút sự quan tâm của khách hàng EU. Đồng thời, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xây dựng và quảng bá thương hiệu gạo Việt Nam trên thị trường này.

Thứ hai, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm gạo xuất khẩu. Để khai thác tốt cơ hội từ thị trường EU, chất lượng và đa dạng sản phẩm gạo xuất khẩu cần được nâng cao. Trước hết, cần hỗ trợ nông dân áp dụng các kỹ thuật canh tác tiên tiến, bền vững để nâng cao chất lượng lúa gạo, đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường này. Đồng thời, tăng cường đầu tư cho nghiên

cứu và phát triển các sản phẩm gạo mới như gạo dinh dưỡng, gạo hữu cơ... nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng EU. Bên cạnh đó, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chất lượng gạo Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn của EU cũng là một giải pháp quan trọng.

Thứ ba, hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu gạo. Các cơ quan chính phủ cần đẩy mạnh hỗ trợ cho doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường EU thông qua việc cung cấp thông tin thị trường, tư vấn pháp luật, hỗ trợ kết nối với đối tác tại EU. Đồng thời, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia các khóa đào tạo về xuất khẩu gạo, marketing quốc tế để nâng cao năng lực quản trị, tiếp thị sản phẩm. Cuối cùng, cần tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi để đầu tư, mở rộng hoạt động xuất khẩu gạo sang thị trường EU.

4.2. Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu gạo

Thứ nhất, để tạo dựng thương hiệu vững mạnh cho gạo Việt Nam tại thị trường EU, các doanh nghiệp cần tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Điều này đòi hỏi nghiên cứu kỹ lưỡng nhu cầu và sở thích của người tiêu dùng EU để phát triển những sản phẩm gạo mới có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường và tạo ra sự khác biệt so với đối thủ cạnh tranh. Bên cạnh đó, xây dựng chiến lược thương hiệu mạnh mẽ với hình ảnh cao cấp, chất lượng và uy tín cũng rất quan trọng. Các doanh nghiệp cần sử dụng hiệu quả các kênh truyền thông để quảng bá, giới thiệu sản phẩm tại các hội chợ triển lãm quốc tế nhằm tiếp cận các nhà nhập khẩu tiềm năng. Cuối cùng, việc bảo vệ thương hiệu bằng cách đăng ký nhãn hiệu hàng hóa và theo dõi, xử lý các hành vi vi phạm là điều không thể thiếu.

Thứ hai, để nâng cao khả năng cạnh tranh của gạo Việt tại thị trường EU, các doanh nghiệp cần áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế như ISO 22000, HACCP để đảm bảo sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và an toàn thực phẩm của EU. Đồng thời, việc nâng cao năng lực quản lý bằng cách áp dụng phần mềm quản lý doanh nghiệp hiện đại, đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ nhân viên cũng rất cần thiết. Bên cạnh đó, giảm thiểu chi phí sản xuất thông qua áp dụng các kỹ thuật canh tác tiên tiến nâng cao năng suất, tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào giá rẻ và tối ưu hóa quy trình sản xuất, vận chuyển sẽ giúp nâng cao sức cạnh tranh của gạo Việt.

Thứ ba, để mở rộng thị trường xuất khẩu gạo tại EU, các doanh nghiệp cần chủ động tìm kiếm các đối tác kinh doanh tiềm năng thông qua tham gia các hội chợ triển lãm quốc tế, sử dụng thương mại điện tử và hợp tác với các nhà nhập khẩu, phân phối tại đây. Song song đó, cần thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại bằng cách tham gia các hoạt động do chính phủ tổ chức, tự tổ chức các sự kiện, hội thảo, hội nghị về xuất khẩu gạo. Cuối cùng, doanh nghiệp cần tận dụng tối đa các ưu đãi thuế quan theo cam kết trong EVFTA bằng cách nghiên cứu kỹ các quy định và sử dụng chứng nhận xuất xứ để được hưởng ưu đãi.

Thứ tư, để vượt qua các rào cản khi xuất khẩu gạo sang EU, doanh nghiệp cần nâng cao hiểu biết về các quy định của EU bằng cách tham gia các khóa đào tạo, tư vấn từ chuyên gia luật thương mại quốc tế và hợp tác với các tổ chức hỗ trợ xuất khẩu. Đồng thời, cần tăng cường hợp tác với các cơ quan chức năng để giải quyết các vấn đề thủ tục xuất khẩu, phản ánh các khó khăn vướng mắc. Ngoài ra, hợp tác với các doanh nghiệp khác trong lĩnh vực để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và hỗ trợ lẫn nhau, tham gia các hiệp hội doanh nghiệp xuất khẩu gạo cũng là giải pháp đáng lưu tâm. Cuối cùng, doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang EU cần tuân thủ nghiêm ngặt

các quy định về ghi nhãn, bao bì sản phẩm theo tiêu chuẩn châu Âu và có chứng nhận chủng loại gạo thơm.

5. Kết luận

EVFTA đã mở ra những cơ hội lớn cho xuất khẩu gạo của Việt Nam, đặc biệt là việc giảm thiểu các rào cản thuế quan, giúp tăng đáng kể khối lượng xuất khẩu. Tuy nhiên, các rào cản phi thuế quan như tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật nghiêm ngặt từ EU vẫn là những thách thức không nhỏ. Để tận dụng tối đa lợi ích từ EVFTA, các doanh nghiệp Việt Nam cần cải thiện kiểm soát chất lượng và tuân thủ các tiêu chuẩn của EU. Ngoài ra, việc xây dựng và bảo vệ thương hiệu gạo Việt cũng rất quan trọng để duy trì và mở rộng thị phần. Chính phủ và các cơ quan liên quan cần đẩy mạnh quá trình đàm phán để đưa các giống gạo chất lượng cao như ST24 và ST25 vào danh sách hưởng ưu đãi. Đồng thời, cần nâng cao năng lực quản lý và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế nhằm đáp ứng các yêu cầu khắt khe của EU. Các doanh nghiệp cũng nên chủ động tìm kiếm đối tác kinh doanh mới, tham gia các hội chợ triển lãm quốc tế, và sử dụng thương mại điện tử để mở rộng thị trường. Hợp tác chặt chẽ với các cơ quan chức năng và các tổ chức hỗ trợ xuất khẩu sẽ giúp giải quyết các vấn đề về thủ tục và rào cản thương mại. Cuối cùng, việc chia sẻ thông tin và kinh nghiệm giữa các doanh nghiệp xuất khẩu gạo sẽ góp phần tăng cường khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững cho ngành xuất khẩu gạo của Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Beghin, J.C. (2006), “Nontariff Barriers”, Available at <https://doi.org/10.22004/AG.ECON.18436>, (Accessed 2 Feb. 2024).

Bộ Công thương & Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ (2022), “Thông tin xuất khẩu vào thị trường EU: Mặt hàng gạo”, Available at <https://www.moit.gov.vn/web/guest/thong-tin-xuat-khau-vao-thi-truong-eu-mat-hang-gao>, (Truy cập ngày 02/02/2024).

Mordor Intelligence. (2024). “Gạo ở thị trường châu Âu-Mức tiêu thụ theo quốc gia”, Available at: <https://www.mordorintelligence.com/vi/industry-reports/europe-rice-market> (Truy cập ngày 27/6/2024).

General Statistics Office of Vietnam. (nd), “Gạo Việt được đón nhận tại châu Âu”, Available at: <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-khac/2022/02/gao-viet-duoc-don-nhan-tai-chau-au/> (Truy cập ngày 27/6/2024).

K.D. (2022), “Giải pháp để tận dụng hiệu quả thị trường EU”, <https://dangcongsan.vn>, Available at: <https://dangcongsan.vn/kinh-te/giai-phap-de-tan-dung-hieu-qua-thi-truong-eu-628716.html> (Truy cập ngày 27/6/2024).

Khuê, V. (2024) “Sớm đẩy nhanh đàm phán để mở rộng danh mục chủng loại gạo xuất khẩu vào EU”, *Nhịp sống kinh tế Việt Nam & Thế giới*. Available at: <https://vneconomy.vn/som-day-nhanh-dam-phan-de-mo-rong-danh-muc-chung-loai-gao-xuat-khau-vao-eu.htm> (Truy cập ngày 27/6/2024).

Hoàng, H. (2023), “Năm 2022: Xuất khẩu gạo sang EU tăng 48%, vượt hạn ngạch 80.000 tấn của hiệp định EVFTA”, Available at: <https://vietnambiz.vn/nam-2022-xuat-khau-gao-sang-eu-tang-48-vuot-han-ngach-80000-tan-cua-hiep-dinh-evfta-2023130135412660.htm> (Truy cập ngày 27/6/2024).

Bảo, N. (2020), “Nâng cao chất lượng gạo xuất khẩu: Yêu cầu bắt buộc”, *Công thương Việt Nam*, Available at: <https://congthuong.vn/nang-cao-chat-luong-gao-xuat-khau-yeu-cau-bat-buoc-144282.html> (Truy cập ngày 27/6/2024).

Eurostat Statistics Explained. (2024), “Population and population change statistics - Statistics Explained”, Available at: https://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php?title=Population_and_population_change_statistics (Accessed 27 June 2024).

Trịnh, V.T. (2022), “Tác động của Hiệp định EVFTA đến xuất khẩu mặt hàng nông sản của Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí nghiên cứu công nghiệp và thương mại*, Available at: <https://vioit.vn/tac-dong-cua-hiep-dinh-evfta-den-xuat-khau.html> (Truy cập ngày 27/6/2024).

Khoát, N.X. (2019), “THE EU - VIETNAM FREE TRADE AGREEMENT (EVFTA) OPPORTUNITY AND CHALLENGES FOR VIETNAM”, *Ecoforum*, Vol.8, No.2.

Thương C., (2017), “Ủy ban châu Âu dự định giảm mức dư lượng tối đa chất tricyclazole trong gạo”, *Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương*, <http://moit.gov.vn/tin-tuc/quoc-te/uy-ban-chau-au-du-dinh-giam-muc-du-luong-toi-da-chat-tricycl.html> (Truy cập ngày 27/6/2024).

Thương C., (2022), “Quy mô thị trường gạo Bắc Âu”, *Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương*, <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/thi-truong-chau-au-chau-my/quy-mo-thi-truong-gao-bac-au.html> (Truy cập ngày 27/6/2024).

Thương C., (2023), “Những giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả việc tận dụng Hiệp định EVFTA”, *Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương*, Available at: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/hiep-dinh-evfta/nhung-giai-phap-nham-tang-cuong-hieu-qua-viec-tan-dung-hiep-dinh-evfta.html> (Truy cập ngày 27/6/2024).

thuvienphapluat.vn (2024) *Luật Thương mại 2005 số 36/2005/QH11 áp dụng 2024 mới nhất, THƯ VIỆN PHÁP LUẬT*. Available at: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Luat-Thuong-mai-2005-36-2005-QH11-2633.aspx> (Truy cập ngày 30/6/2024).

Toan, N.H. *et al.*, ‘The Impact of the European Union - Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA) On Exporting Agricultural Products from Vietnam to European Union (EU)’.

Trang, P.T. *et al.* (2023) ‘Impact of the EU: Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA) on Agricultural Product Export Enterprises in Vietnam’, *Academic Journal of Interdisciplinary Studies*, Vol.12, No.1, p. 117.

TTWTO VCCI - (FTA). (nd), “Giới thiệu sách ‘Thông tin xuất khẩu vào thị trường EU: Mặt hàng Gạo’”, Available at: <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/20387-gioi-thieu-sach-thong-tin-xuat-khau-vao-thi-truong-eu-mat-hang-gao> (Accessed 27 June 2024).

TTWTO VCCI. (nd), “Một số giải pháp tận dụng cơ hội từ EVFTA để tăng cường xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang Đức”, Available at: <https://trungtamwto.vn/thi-truong-duc/19567-mot-so-giai-phap-tan-dung-co-hoi-tu-evfta-de-tang-cuong-xuat-khau-hang-hoa-viet-nam-sang-duc>

so-giai-phap-tan-dung-evfta-tang-cuong-xuat-khau-hang-hoa-viet-nam-sang-duc (Accessed 27 June 2024).

TTWTO VCCI. (nd), “Exports of rice to EU increased sharply thanks to EVFTA”, Available at: <https://wtocenter.vn/chuyen-de/19619-exports-of-rice-to-eu-increased-sharply-thanks-to-evfta-> (Accessed 27 June 2024).

United Nations Conference on Trade and Development, Disdier, A.-C. and Fugazza, M. (2020), “A Practical Guide to the Economic Analysis of Non-Tariff Measures”, *UN*, Available at: <https://doi.org/10.18356/b9cc8a8d-en>.

The Economic Times. (2024), “What is Tariff? Definition of Tariff, Tariff Meaning”, Available at: <https://economictimes.indiatimes.com/definition/tariff> (Accessed 30 June 2024).

Hoàng, H. (2024), “Xuất khẩu gạo sang EU cao kỷ lục, vượt xa hạn ngạch của EVFTA”, Available at: <https://vietnambiz.vn/xuat-khau-gao-sang-eu-cao-ky-luc-vuot-xa-han-ngach-cua-evfta-202413101842471.htm> (Accessed 27 June 2024).